

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 26/08/2025
Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Lê Thu Phương
 2. Ông Nguyễn Hà Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2025/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 (của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình cũ) về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị K, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm 5, xã K, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là: Xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình)

- **Bị đơn:** Anh Tống Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Xóm 5, xã K, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là: Xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình)

Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị K trình bày: Chị và anh H sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 1 năm 2003 tại UBND xã H, huyện K (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và bản thân anh H là người đàn ông độc đoán, gia trưởng coi thường chị, mặt khác anh H không tu trí làm ăn, nghiện ma túy, Gia đình đã làm các thủ tục cho anh H đi cai nghiện nhưng sau thời gian ngăn lại tái nghiện. Gia

đình đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh H không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị và anh H đã sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh H không có khả năng về đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Tống Văn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung cháu Tống Hữu Hà sinh ngày 09 tháng 9 năm 2003 hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên chị K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ chung nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Tống Văn H hiện đang cư trú tại Xóm 5, xã K, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là: Xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình). Tòa án nhân dân huyện K (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình) đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Tống Văn H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Tống Văn H nhưng anh H không ký nhận các văn bản của Tòa án. Bản thân anh H cũng đã biết việc chị K khởi kiện xin ly hôn với anh nhưng anh H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại biên bản sự việc ngày 05 tháng 6 năm 2025 khi Tòa án xuống gia đình anh H làm việc thì anh H có trình bày chị K vợ anh đã bỏ đi làm ăn xa hơn 10 năm nay không quan tâm đến gia đình. Nay chị K làm thủ tục ly hôn thì đó là việc của chị K, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị K ly hôn anh Tống Văn H.
- Án phí: Chị Trần Thị K nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị K có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với anh Tổng Văn H có nơi cư trú tại: Xóm 5, xã K, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là: Xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình). Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Tổng Văn H, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Tổng Văn H có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 2003 tại UBND xã H, huyện K (cũ). Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau 12 năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện việc anh H không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H (cũ) thể hiện: Chị K và anh H đều là công dân của xã H (cũ) nay là xã K, tỉnh Ninh Bình. Năm 2003 chị K và anh H đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã H (cũ). Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm 5, xã H (cũ). Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Khoảng năm 2012 – 2013 chị K đi làm ăn xa thỉnh thoảng có việc mới về thăm gia đình. Chị K và anh H cũng sống ly thân hơn 10 năm nay và chị K không về sống cùng anh H. Nay chị K có đơn xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh H đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị thời gian sống ly thân nhau nhiều năm nay cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản

1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Chị K và anh H có một con chung cháu Tống Hữu H1 sinh ngày 09 tháng 9 năm 2003 hiện cháu Hà đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên chị K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị K và anh H không tài sản chung, công nợ chung, nay ly hôn chị K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Tống Văn H (Quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Chị K và anh H có một con chung cháu Tống Hữu Hà sinh ngày 09 tháng 9 năm 2003 hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trần Thị K và anh Tống Văn H không có tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002030 ngày 23/04/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình (Nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình
- UBND xã K.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh